

Số: 8130/BC-TTCH

Đồng Nai, ngày 29 tháng 9 năm 2021

BÁO CÁO NHANH
Công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
Đến 22h00 ngày 28/9/2021

I. Tình hình dịch bệnh

1. Số ca mắc:

		Trong ngày	Tăng/giảm	Lũy kế
Số ca mắc		899	Tăng (12,5%)	48.014
Đang điều trị (21.929)	<i>Tầng 3</i>	8	Giảm (20,0%)	162
	<i>Tầng 2</i>	246	Tăng (6,5%)	5.162
	<i>Tầng 1</i>	714	Giảm (315,1%)	6.473
Khỏi bệnh*		461	Giảm (28,7%)	25.640
Tử vong*		08	Tăng (60,0%)	445

*Số khỏi bệnh, tử vong báo cáo theo danh sách cấp giấy ra viện và bệnh án tử vong trong ngày.

2. Tình hình xét nghiệm:

	Trong ngày	Tăng/giảm	Lũy kế
Số xét nghiệm thực hiện	18.052	Giảm (20,1%)	2.946.356
Dương tính	1.804 (899 ca mới, 905 theo dõi điều trị)	Tăng (2,7%)	107.777
Âm tính	16.085	Giảm (23,8%)	2.820.272

- 06 cơ sở xét nghiệm khẳng định trên địa bàn tỉnh: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, BVĐK Đồng Nai, BVĐK Thống Nhất, BV Quốc tế Đồng Nai, BVĐKKV Long Khánh, PKĐK An Phúc Sài Gòn.

- 04 phòng xét nghiệm được phép thực hiện xét nghiệm sàng lọc vi rút SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR: BV Nhi đồng Đồng Nai, PKĐK Quốc tế Stry Mỹ, PKĐK Dân Y Biên Hòa, PKĐK Ái Nghĩa Nhơn Trạch..

- Trong ngày có 1.804/18.052 mẫu xét nghiệm dương tính với SARS-CoV-2, chiếm tỉ lệ 10,0%.

3. Tình hình cách ly, theo dõi sức khỏe:

	Trong ngày	Đang theo dõi	Kết thúc	Lũy kế
Cách ly tập trung	621	9.839	22.839	32.678
Cách ly tại nhà	574	12.240	55.138	67.378
Theo dõi sức khỏe	260	5.586	21.741	27.327

Trong ngày: 485 F1 (cộng dồn 21.583), 161 F2 (cộng dồn 31.610)

4. Tình hình lao động nước ngoài nhập cảnh cách ly trên địa bàn tỉnh:

- Cộng dồn: 1.688 trường hợp
- Đang thực hiện cách ly: 22 trường hợp
- Đã hoàn thành cách ly: 1.666 trường hợp

Trong đó: ghi nhận 03 trường hợp dương tính với SARS-CoV-2 (quốc tịch Ấn Độ) được cách ly ngay sau khi nhập cảnh; 34 trường hợp nhập cảnh trái phép (quốc tịch Trung Quốc).

5. Tình hình phòng, chống dịch tại các doanh nghiệp trong KCN

- Ca F0 trong ngày: 30 ca, lũy kế 2.110 ca F0/145.264 tổng số LĐ Doanh nghiệp thực hiện 3T (có 01 ca là bảo vệ của doanh nghiệp không thực hiện 3T)

- DN có F0 trong ngày: 04 DN; Lũy kế DN 3T có F0: 73/1.152 tổng số DN thực hiện 3T. Chi tiết Doanh nghiệp có ca nhiễm như sau:

+ Cty HHCN Kiến Hằng – KCN Biên Hòa II: Có 01 ca F0. Công ty thực hiện 3T từ ngày 22/7/2021, thực hiện test lần đầu 100% và định kỳ đúng quy định; nguồn lây nhiễm nghi từ việc mua hàng hóa ra vào Công ty.

+ Cty TNHH MTV Leather Master – KCN Tam Phước: có 08 ca F0. Công ty thực hiện 3T từ ngày 22/7/2021, Công ty cho test lần đầu 100% và định kỳ theo quy định, ngày 27/9 Công ty test nhanh định kỳ phát hiện có ca nhiễm Covid, nên cho test PCR toàn bộ Công ty và ngày 28/9 có kết quả PCR 08 ca. Công ty nghi nhiễm từ mua hàng hóa hoặc lây từ Công ty Lee Fu (mặc dù 02 Công ty kế nhau nhưng thực tế khoảng đất trống khá xa, khoảng cách giữa 02 Công ty hơn 100m)

+ Cty TNHH Center Power Tech Việt Nam – KCN Nhơn Trạch II: có 18 ca F0 chuyển từ F1.

+ Cty TNHH Hưng nghiệp Formosa – KCN Nhơn Trạch III: có 03 ca F0 chuyển từ F1.

- Điều trị khỏi: 1.475/2.110 ca F0 của doanh nghiệp thực hiện 3T, chiếm 69,91%

- Đang điều trị: 635 ca, chiếm 30,09%.

II. Các hoạt động đã triển khai thực hiện

1. Thu dung, điều trị:

a) Ca bệnh ghi nhận trên địa bàn tỉnh

- Ca mắc tại cộng đồng: 47.986 ca
- Ca mắc cách ly ngay sau khi nhập cảnh: 28 ca

b) Tình hình điều trị trên địa bàn tỉnh

- Trong ngày, 461 bệnh nhân được xác nhận điều trị khỏi, xuất viện, bàn giao về địa phương tiếp tục theo dõi sức khỏe theo quy định; 08 ca bệnh tử vong do COVID-19.

- 156 ca là phụ nữ đang mang thai, 3.151 ca dưới 18 tuổi, 462 ca trên 65 tuổi và có bệnh lý nền.

- 41 ca bệnh diễn tiến nguy kịch (suy hô hấp cấp tiến triển (ARDS), suy đa tạng, sốc nhiễm trùng,...);

+ 41 ca thở máy xâm lấn

- 425 ca bệnh có diễn tiến nặng (viêm phổi nặng);

- 3.678 ca có triệu chứng nhẹ-trung bình, 7.694 ca không triệu chứng.

c) Phân tầng điều trị

- Số giường cách ly theo dõi F0 không triệu chứng do các huyện/TP quản lý (Tầng 1): 14.690 giường (trông 6.820 giường).

- Số giường Bệnh viện dã chiến (Tầng 2): 8.964 giường (trông 3.867 giường)

- Số giường Hồi sức tích cực (Tầng 3): 410 giường (trông 255 giường)

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

2. Hoạt động cách ly theo dõi, giám sát đối tượng:

- Chuyển các ca dương tính có triệu chứng mới ghi nhận trong ngày về các Bệnh viện dã chiến điều trị; tiếp tục điều tra, truy vết các trường hợp liên quan để đưa vào diện cách ly, lấy mẫu, quản lý theo quy định;

- Các ca dương tính không triệu chứng, nguy cơ thấp được quản lý theo dõi tại các khu cách ly theo dõi y tế F0 của các huyện, thành phố;

- 899 ca bệnh mới ghi nhận trên địa bàn tỉnh có 10 ca sàng lọc trong cộng đồng, 84 ca trong khu phong tỏa và 805 ca trong khu cách ly. Trong đó:

+ 10 ca trong cộng đồng: Biên Hòa (05), Trảng Bom (02), Cẩm Mỹ (01), Tân Phú (01), Vĩnh Cửu (01).

- 01 ca ngụ tại tổ 42, khu phố 9 phường Tân Phong, Biên Hòa. Nghề nghiệp tài xế chở hàng nhiều nơi đến TP Hồ Chí Minh. Ngày 27/9 có biểu hiện ho đi khám tại BVĐK Đồng Nai xét nghiệm có kết quả dương tính với SARS-CoV-2. Nghi ngờ nguồn lây từ TP Hồ Chí Minh.

- 01 ca ngụ tại tổ 11, khu phố 2, phường Tam Hòa, Biên Hòa. Phát hiện qua xét nghiệm cộng đồng. Chưa rõ nguồn lây.

- 01 ca ngụ tại tổ 9, khu phố 5, phường Tân Hiệp, Biên Hòa. Phát hiện qua xét nghiệm cộng đồng, xung quanh chưa ghi nhận ca nhiễm. Chưa rõ nguồn lây.

- 01 ca ngụ tại tổ 39, khu phố 4A, phường Tân Hòa, Biên Hòa. Ngày 25/9 có đi làm công ty sắt ở xã Hố Nai 3, Trảng Bom. Ngày 27/9 thấy có triệu chứng sốt, ho đi khám có kết quả xét nghiệm dương tính với SARS-CoV-2. Chưa rõ nguồn lây.

- 01 ca ngụ tại tổ 28, khu phố 4C, phường Trảng Dài, Biên Hòa. Nhà không nằm trong khu phong tỏa. Ngày 15/9 có đi mua máy tính ở cùng phường. Ngày 27/9 có triệu chứng sốt, ho đi khám tại PKĐK Sinh Hậu có kết quả xét nghiệm dương tính với SARS-CoV-2. Hiện đã ghi nhận vợ và con có test nhanh dương tính. Vợ 1 tuần có đi chợ 1 lần gần nhà. Chưa rõ nguồn lây.
 - 01 ca ngụ tại ấp 8, xã Xuân Tây, Cẩm Mỹ. Ngày 27/9 di chuyển từ ấp Suối Trầu 3, xã Bình Sơn, Long Thành về địa phương. Chưa rõ nguồn lây.
 - 01 ca ngụ tại ấp Thọ Lâm 1, xã Phú Thanh, Tân Phú. Phát hiện qua xét nghiệm sàng lọc tại BVĐK Thống Nhất. Chưa rõ nguồn lây.
 - 02 ca cùng ngụ tại xã Thanh Bình, Trảng Bom. Đang điều tra dịch tễ.
 - 01 ca tại khu phố 8, TT Vĩnh An, Vĩnh Cửu. Đang điều tra dịch tễ.
- + 84 ca trong khu phong tỏa: Ghi nhận nhiều nhất tại phường Long Bình (12) – Biên Hòa; Sông Trầu (26), Hố Nai 3 (10) – Trảng Bom
- Hiện còn 45 trường hợp test nhanh đang chờ kết quả khẳng định bằng phương pháp Realtime RT-PCR tại Trảng Bom; các phòng xét nghiệm ghi nhận 163 mẫu nghi ngờ, gộp dương chờ kết quả khẳng định.
 - Điều tra, truy vết và chuyển cách ly tập trung các đối tượng nguy cơ, trong đó: Biên Hòa 313 (131 trường hợp test nhanh dương tính), Nhơn Trạch 254, Trảng Bom 27 (04 trường hợp từ vùng dịch về), Tân Phú 17, Xuân Lộc 07, Cẩm Mỹ (01 trường hợp F2 theo chăm F1);
 - Ban chỉ đạo phòng chống dịch COVID-19 tỉnh ban hành quyết định phê duyệt danh sách đối tượng hoàn thành cách ly, bàn giao những trường hợp đã thực hiện đủ thời gian cách ly 14 ngày và có kết quả xét nghiệm tối thiểu 03 lần âm tính với SARS-CoV-2 tại các cơ sở cách ly tập trung trên địa bàn tỉnh về địa phương tiếp tục theo dõi sức khỏe.

3. Hoạt động kiểm dịch y tế:

- Kiểm dịch cảng trong ngày: 01 tàu, 17 người.
- Cộng dồn: 1.142 tàu, 21.353 người

(Đã ghi nhận: 03 trường hợp thuyền viên quốc tịch Philippin dương tính)

4. Hoạt động tiêm chủng vắc xin ngừa COVID-19:

Cơ bản hoàn thành tiêm chủng Đợt 1-8, đang triển khai Đợt 9, 10 (từ ngày 17/9/2021)

- **Tổng số tiêm trong ngày: 9.269 liều.**

Trong đó: Mũi 1: 2.078 người; Mũi 2: 7.191 người.

- Tiến độ theo Kế hoạch: Đợt 9 đạt 3,54% (chưa nhận đủ vắc xin), đợt 10 đạt 46,8%

- Số liều vắc xin còn lại: 97.093 liều.

Đến hiện tại, trên địa bàn tỉnh đã thực hiện tiêm **1.959.025 liều** vắc xin COVID-19 cho **1.781.453 người** (chiếm tỉ lệ **79,03%** đối tượng trên 18 tuổi toàn tỉnh), trong đó có 177.572 người đã tiêm đủ liều (chiếm tỉ lệ 7,88%).

5. Các hoạt động khác:

- Duy trì hệ thống giám sát bệnh truyền nhiễm trên địa bàn tỉnh;
- Triển khai Kế hoạch số 11456/KH-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh về Thần tốc xét nghiệm COVID-19 để kiểm soát vùng nguy cơ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Triển khai Kế hoạch số 11102/KH-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2021 về việc Từng bước phục hồi các hoạt động kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng, đảm bảo công tác phòng, chống dịch COVID-19 tại tỉnh Đồng Nai trong tình hình mới **bắt đầu lúc 0h00 ngày 20/9/2021**. Từ ngày 16/9/2021 đến hết ngày 19/9/2021 tỉnh Đồng Nai vẫn tiếp tục thực hiện Chỉ thị 15/CT-UBND ngày 08/7/2021 của UBND tỉnh giãn cách toàn xã hội theo Chỉ thị 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, tiếp tục tăng cường thực hiện nghiêm các biện pháp trong công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh theo chỉ đạo tại Công văn số 10569/UBND-KGVX ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh.

- Ngành công an chủ trì, phối hợp ngành y tế và các ban ngành liên quan thực hiện Kế hoạch số 5990/PA-UBND ngày 01/6/2021 và Quyết định số 1861/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 về việc triển khai lực lượng kiểm soát, phòng, chống dịch bệnh COVID-19 từ các tỉnh, thành phố khác đến địa bàn tỉnh Đồng Nai, bao gồm: 10 chốt kiểm soát cấp tỉnh (bao gồm 08 chốt đường bộ và 02 chốt đường thủy) và 12 chốt kiểm soát cấp huyện, Thực hiện khai báo y tế, kiểm tra thân nhiệt và đeo khẩu trang đối với 100% người và phương tiện, Đồng thời triển khai thực hiện Công văn số 1294/CAT-PA03 ngày 01/5/2021 về việc tăng cường kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm quy định phòng chống dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh;

III. Nhận định tình hình dịch bệnh và Kiến nghị

1. Nhận định tình hình dịch bệnh

- Trong ngày ghi nhận 10 ca trong cộng đồng: Biên Hòa (05), Trảng Bom (02), Cẩm Mỹ (01), Tân Phú (01), Vĩnh Cửu (01).

- Số ca ghi nhận trong khu phong tỏa giảm mạnh: Ghi nhận nhiều nhất tại phường Long Bình (12) – Biên Hòa; Sông Trầu (26), Hố Nai 3 (10) – Trảng Bom

- Tỉ lệ bao phủ mũi 1 vắc xin cho người trưởng thành trên địa bàn tỉnh đạt 79,03%, mũi 2 là 7,88%.

IV. Kiến nghị

- Các địa phương nguy cơ cao, rất cao triển khai triệt để Kế hoạch xét nghiệm thần tốc 11456/UBND-KGVX ngày 21/9/2021 của UBND tỉnh.

- Các địa phương theo dõi sát tình hình địa bệnh trên địa bàn, thường xuyên tổ chức đánh giá chính xác mức độ nguy cơ để thu hẹp tối đa vùng phong tỏa, triển khai áp dụng các biện pháp phòng chống dịch phù hợp, kịp thời.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc lây nhiễm chéo tại các khu cách ly tập trung, bệnh viện.

- Theo dõi sức khỏe tại địa phương đối với các trường hợp có lịch sử di chuyển đi khám, chữa bệnh tại các bệnh viện về.

- Tăng cường xét nghiệm, tầm soát, kiểm soát chặt nguồn lây từ bên ngoài ở các công ty thực hiện 3T.

- Thực hiện Kế hoạch số 11102/KH-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2021 về việc Từng bước phục hồi các hoạt động kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng, đảm bảo công tác phòng, chống dịch COVID-19 tại tỉnh Đồng Nai trong tình hình mới.

Trên đây là báo cáo nhanh công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai./.

Nơi nhận:

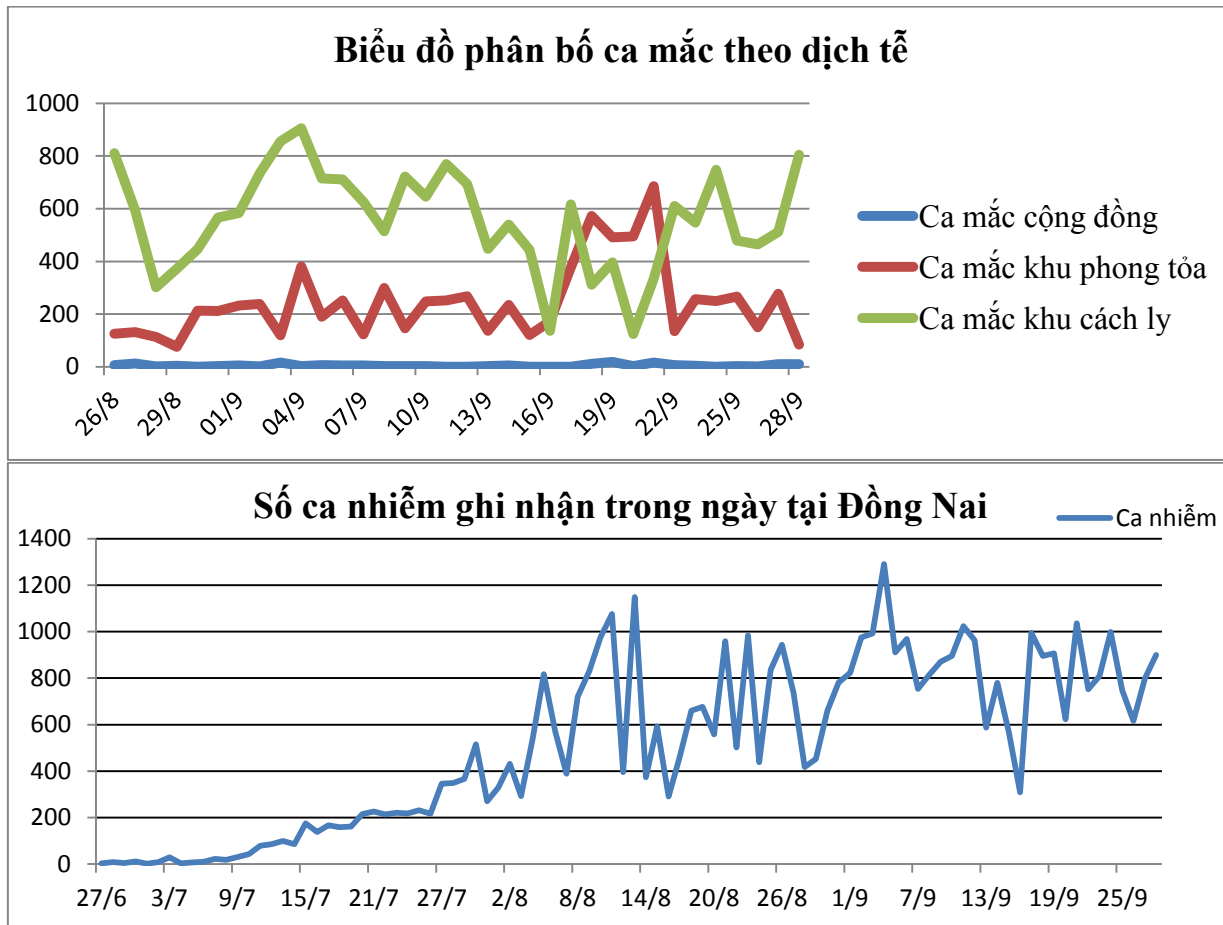
- Bộ Y tế;
- TU, UBND Tỉnh;
- BCĐ tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Website SYT;
- Lưu VT, NV.

**KT. CHỈ HUY TRƯỞNG
PHÓ CHỈ HUY TRƯỞNG**

**GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ
Phan Huy Anh Vũ**

Phụ lục 1: Số ca mắc từ ngày 27/4 đến nay (đợt dịch thứ 4)

STT	Xã/phường	Trong ngày					Lũy kế
		Số ca nhiễm mới	Tăng/giảm	Cộng đồng	CLTT	Khu phong tỏa	
1	Biên Hòa	429	10,9%	5	387	37	19.543
2	Nhon Trạch	342	98,8%	0	342	0	11.852
3	Vĩnh Cửu	42	-33,3%	1	32	9	9.521
4	Trảng Bom	79	-47,0%	2	40	37	4.121
5	Long Thành	3	-76,9%	0	2	1	968
6	Thống Nhất	0	-100%	0	0	0	521
7	Long Khánh	0	-100%	0	0	0	333
8	Xuân Lộc	1	-50,0%	0	1	0	312
9	Định Quán	0	-	0	0	0	253
10	Cẩm Mỹ	1	-	1	0	0	199
11	Tân Phú	2	-	1	1	0	26
12	Ngoại tỉnh, khác	0	-	0	0	0	333
Tổng cộng		899	12,5%	10	805	84	47.982



Phụ lục 2: Theo dõi ca nhiễm trong ngày

STT	Huyện	Trong ngày (ca trong nước)							
		Tổng số Ca Mắc mới trong ngày	Sàng lọc tại cơ sở y tế	Số ca trong Khu Cách Ly	Số ca trong Khu Phong Tỏa	Sàng lọc cộng đồng			Số ca Chưa rõ nguồn lây
						Tổng	Trong đó		
						Cộng Đồng	Khu nhà trọ		
NGUY CƠ RẤT CAO (VÙNG ĐỎ) (14)									
1	Biên Hòa	130	0	107	23	0			
1.1	<i>Bửu Hòa</i>	8		7	1				
1.2	<i>Hố Nai</i>	17		13	4				
1.3	<i>Long Bình</i>	42		30	12				
1.4	<i>Long Bình Tân</i>	13		13					
1.5	<i>Quang Vinh</i>	26		26					
1.6	<i>Tam Hiệp</i>	5		1	4				
1.7	<i>Tân Biên</i>	8		6	2				
1.8	<i>Tân Vạn</i>	11		11					
2	Nhơn Trạch	311	0	311	0	0			
2.1	<i>Hiệp Phước</i>	240		240					
2.2	<i>Phước Thiện</i>	71		71					
3	Trảng Bom	73	0	37	36	0			
3.1	<i>Hố Nai 3</i>	22		12	10				
3.2	<i>Sông Trầu</i>	51		25	26				
4	Vĩnh Cửu	22	0	22	0	0			
4.1	<i>Thạnh Phú</i>	15		15					
4.2	<i>Thiện Tân</i>	7		7					
NGUY CƠ CAO (VÙNG CAM) (21)									
1	Biên Hòa	154	2	149	1	2	1		
1.1	<i>Quyết Thắng</i>	0							

1.2	<i>Tam Hòa</i>	16		15		1	1		1
1.3	<i>Tam Phước</i>	50		50					
1.4	<i>Tân Hiệp</i>	16		14	1	1	1		1
1.5	<i>Tân Hòa</i>	22	1	21					
1.6	<i>Tân Mai</i>	2		2					
1.7	<i>Trảng Dài</i>	9	1	8					
1.8	<i>Trung Dũng</i>	39		39					
2	Long Thành	2	0	1	1	0			
2.1	<i>An Phước</i>	0							
2.2	<i>Tam An</i>	0							
2.3	<i>TT Long Thành</i>	2		1	1				
3	Nhơn Trạch	30	0	30	0	0			
3.1	<i>Đại Phước</i>	5		5					
3.2	<i>Phú Đông</i>	3		3					
3.3	<i>Phú Hội</i>	22		22					
4	Thống Nhất	0	0	0	0	0			
4.1	<i>Dầu Giây</i>	0							
5	Trảng Bom	4	0	3	1	0			
5.1	<i>Bắc Sơn</i>	4		3	1				
5.2	<i>Bình Minh</i>	0							
6	Vĩnh Cửu	16	1	7	8	0			
6.1	<i>Tân An</i>	2		2					
6.2	<i>Trị An</i>	0							
6.3	<i>TT Vĩnh An</i>	11	1	2	8				
6.4	<i>Vĩnh Tân</i>	3		3					
NGUY CƠ (VÙNG VÀNG) (23)									
1	Biên Hòa	137	1	124	12	0			
1.1	<i>An Bình</i>	78		66	12				
1.2	<i>Bình Đa</i>	5		5					
1.3	<i>Bửu Long</i>	0							

1.4	<i>Hiệp Hòa</i>	0							
1.5	<i>Hóa An</i>	18		18					
1.6	<i>Phước Tân</i>	21		21					
1.7	<i>Tân Phong</i>	14	1	13					
1.8	<i>Thống Nhất</i>	1		1					
2	Long Thành	1	0	1	0	0			
2.1	<i>Bình Sơn</i>	0							
2.2	<i>Long An</i>	0							
2.3	<i>Phước Thái</i>	1		1					
3	Nhơn Trạch	1	0	1	0	0			
3.1	<i>Phước An</i>	0							
3.2	<i>Phú Hữu</i>	1		1					
3.3	<i>Phú Thạnh</i>	0							
3.4	<i>Long Thọ</i>	0							
4	Thống Nhất	0	0	0	0	0			
4.1	<i>Gia Kiệm</i>	0							
5	Trảng Bom	0	0	0	0	0			
5.1	<i>Đội 61</i>	0							
5.2	<i>Quảng Tiến</i>	0							
5.3	<i>Trung Hòa</i>	0							
5.4	<i>TT Trảng Bom</i>	0							
6	Vĩnh Cửu	3	0	3	0	0			
6.1	<i>Bình Hòa</i>	0							
6.2	<i>Tân Bình</i>	3		3					
7	Xuân Lộc	0	0	0	0	0			
7.1	<i>Xuân Hưng</i>	0							
BÌNH THƯỜNG MỚI (VÙNG XANH) (112)									
1	Biên Hòa (06)								
2	Cẩm Mỹ (13)								
2.1	<i>Xuân Tây</i>	1	1						

3	Định Quán (14)							
4	Long Khánh (15)							
5	Long Thành (08)							
6	Nhơn Trạch (03)							
7	Tân Phú (18)							
7.1	<i>Phú Thanh</i>	2	1	1				
8	Thống Nhất (08)							
9	Trảng Bom (09)							
9.1	<i>Thanh Bình</i>	2	2					
10	Vĩnh Cửu (04)							
10.1	<i>Mã Đà</i>	1			1			
11	Xuân Lộc (14)							
11.1	<i>Xuân Hòa</i>	1		1				

Phụ lục 3: Ca bệnh tử vong do COVID-19 mới ghi nhận

S T T	Họ Tên	Năm sinh		Nơi ghi nhận	Địa chỉ	Ngày tử vong	Nguyên nhân tử vong
		Nam	Nữ				
01	Đ.T.H		1955	BVDC1	Ấp Rạch 7, Phú Hữu, Nhơn Trạch	27/09/2021	Tử vong do suy hô hấp cấp/TD: Nhồi máu phổi/TD: Nhồi máu cơ tim cấp/ TD: Đái tháo đường/Tăng men gan/Nhiễm Covid 19 (+) chuyên (-).
02	B.T.H		1995	BVDN	Thị Trấn Hiệp Phước, Nhơn Trạch	27/9/2021	Ngưng tuần hoàn, suy hô hấp -Viêm phổi mức độ nặng do SARS Cov 2/ choáng nhiễm trùng/ XHTH dưới/ tổn thương thận cấp, thận phải mổ lấy sỏi
03	P.B.T	1977		BVTN	xã Long Thọ huyện Nhơn Trạch	27/9/2021	Sốc nhiễm trùng – viêm phổi mức độ nguy kịch do SARS-CoV-2.

S T T	Họ Tên	Năm sinh		Nơi ghi nhận	Địa chỉ	Ngày tử vong	Nguyên nhân tử vong
		Nam	Nữ				
04	N.T.K.Y		1961	BVTN	Số 37, Khu Khố 11, Phường Tân Hòa, Biên Hòa	27/9/20 21	Tử vong do Nhiễm SARS-CoV-2 mức độ nguy kịch/ Viêm phổi nặng/ Tăng huyết áp/ Đái tháo đường type II/ Viêm đa khớp/ COPD.
05	S.Q	1965		KCL huyện Trảng Bom	Xã Sông Trầu, Huyện Trảng Bom	28/9/20 21	Suy hô hấp cấp mức độ rất nặng/nhiễm SARS-CoV-2.
06	P.V.U	1970		BVDN	P.Trung Dũng, TP Biên Hòa	28/9/20 21	Ngưng tuần hoàn, suy hô hấp -Viêm phổi mức độ nguy kịch do SARS Cov 2/ STM Giai đoạn cuối, XHTH trên/ K TLT
07	H.V.S	1986		BVDN	P.Trảng Dài TP Biên Hòa	28/9/20 21	Tử vong do Ngưng tuần hoàn, suy hô hấp -Viêm phổi mức Nhiễm SARS-CoV-2 mức độ nguy kịch/ Viêm phổi nặng/ Tăng huyết áp/ Suy thận cấp/ ĐTĐ 2.
08	S.C	1958		BV Phổi	Xã Thanh Bình, Huyện Trảng Bom	27/09/2 021	Lao phổi nặng AFB âm có BCVKH/ ĐTĐII/ THA đang điều trị/ Nhiễm SARS- COV-2

Phụ lục 4: Tiến độ tiêm ngừa vắc xin COVID-19 trên địa bàn tỉnh

	Tổng tiêm	Mũi 1	Mũi 2	PU' nhẹ	PU' nặng	Số liều KH	Tỉ lệ hoàn thành
Đợt 1	20.376	20.376	0	7.407	4	17.450	116,77%
Đợt 2	35.525	35.217	308	8.152	8	28.980	122,58%
Đợt 3	24.918	5.793	19.125	1.548	4	21.000	118,66%
Đợt 4	342.087	298.398	43.689	1.901	8	316.160	108,20%
Đợt 5	173.050	146.522	26.528	2.188	0	157.000	110,22%
Đợt 6	279.507	276.914	2.593	9	0	265.210	105,39%
Đợt 7	673.075	672.045	1.030	6.763	0	686.590	98,03%
Đợt 8	314.509	301.156	13.353	401	0	307.250	102,36%
Đợt 9	11.155	10.783	372	0	0	315.500	3,54%
Đợt 10	79.923	11.799	68.124	96	0	170.760	46,80%
Khác	4.900	2.450	2.450	0	0	4.900	100,00%
Tổng cộng	1.959.025	1.781.453	177.572	28.465	24	2.290.800	85,52%

Phụ lục 5: Tình hình điều trị F0 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

TT	Cơ sở	Giường kê hoạch COVID	Giường thực kê COVID (con số chính xác)	Số CA + mới trong ngày (24h)	Xuất viện trong ngày (24h)	Chuyển viện trong ngày	Tử vong trong ngày (24h)	Số ca đang điều trị	Cộng dồn			Số ca đang điều trị, trong đó					Phụ nữ có thai	BN < 18 tuổi	< 65 tuổi và không có bệnh lý nền	> 65 tuổi và có bệnh lý nền	Khả năng còn tiếp nhận	
									Chuyển viện	Tử vong	Xuất viện	HFNC	Thở máy		Thở oxy	Có triệu chứng (ho, sốt, đau họng...)						Không triệu chứng
													Không xâm lấn (CPAP)	Xâm lấn								
TẦNG 3																						
1	BVĐN/ HSTC	40	40	0	0	2	3	24		145		2		20	5			1			16	
2	BVTN/TTHSTC	400	200	8	0	0	1	113	133	191	24	22	11	19	25			1	2	82	31	87

3	BVĐKKVLK/HSTC	100	40	0	0	0	0	16	54	35	26	4	0	2	10	0	0	0	1	6	3	24
4	BVĐKKVLT	100	100	0	0	0	0	12	60	33	0	1	0	0	11	0	0	0	0	11	1	88
5	BV Nhi ĐN	20	10					0		1												
6	BV Định Quán	60	11	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	11
7	BV Phôi																					
8	BV QTCTCH SG-ĐN																					
9	BV Đồng Nai 2	10	16	0	0	0	0	16	0	0	127	4	0	0	10	16	0	3	3	13	0	
10	Trung tâm Y tế Vĩnh Cửu																					
11	BV Cao su Đồng Nai																					
Tổng cộng (tầng 3)		730	417	8	0	2	4	162	248	405	177	33	11	41	61	16	0	5	6	112	35	255

TẦNG 2

1	Bệnh viện dã chiến số 1	350	285	11	17	0	0	214	23	2	1090	2	0	0	6	81	127	5	40	164	5	71
2	Bệnh viện dã chiến số 2	350	370	16	0	2	0	241	88	0	1066	0	0	0	7	150	70	8	75	156	17	100
3	Bệnh viện dã chiến số 3	550	500	27	44	1	0	430	62	0	1846	0	0	0	21	192	14	14	123	340	90	70
4	Bệnh viện dã chiến số 4	360	345	39	0	0	0	317	62	0	1393	0	0	0	5	51	261	0	98	257	5	28
5	Bệnh viện dã chiến số 5	300	316	15	0	0	0	199	33	0	987	0	0	0	3	71	125	1	53	7	14	
6	Bệnh viện dã chiến số 6	1200	1090	33	68	0	0	657	100	0	4042	0	0	0	21	237	399	11	201	554	19	353
7	Bệnh viện dã chiến số 7	730	700	2	88	0	0	614	120	1	2746	0	0	0	10	218	386	14	187	373	40	86
8	Bệnh viện dã chiến số 8	650	635	2	98	0	0	556	38	0	1355	0	0	0	20	179	357	7	135	410	11	79
9	Bệnh viện dã chiến số 9	1000	662	32	27	0	0	576	21	0	1399	0	0	0	5	397	179	4	162	521	3	86
10	Bệnh viện dã chiến số 10	850	850	24	61	1	0	733	57	0	1957	0	0	0	32	148	585	5	161	556	16	74
11	Bệnh viện dã chiến số 11	3000		0	0	0	0	256	0	0	0	0	0	0	3	156	100	3	56	174	4	100
12	Bệnh viện Da liễu	150	150	5	24	0	0	132	0	0	0	0	0	0	0	70	62	0	9	122	2	0
13	Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai	150	74	7	6	1	0	64	97	14	209	1	0	0	30	35	10	6	1	10	20	

14	Bệnh viện Nhi đồng	110	60	10	4	2		59						2	33	24		29	29	1	0	
15	Bệnh viện ĐKKV Long Thành	150	150	0	7	0	0	46	0	0	134	0	0	0	10	28	8	1	1	39	5	104
16	Bệnh viện ĐKKV Định Quán	60	30	0	0	0	0	5	4	0	19	1	0	0	1	3	2	0	0	2	1	25
17	Bệnh viện Phổi	60	11	4	1	1	1	3	0	4	0	0	0	0	1	3	0	0	0	0		
18	Bệnh viện Đồng Nai 2	40	94	0	0	0	0	94	110	0	127	4	0	0	10	94	0	6	17	48	35	
19	Bệnh viện ĐH Y Dược Shing Mark	35	35	15	2			50	105	0	95	2			4	25	19	0	4	20	0	0
20	Trung tâm Y tế Vĩnh Cửu	20	65	1	1	0	0	37	25	1	102	0	0	0	1	29	7	0	8	28	1	28
21	Khoa Nhiệt đới BVTN	12	17	3	1	1	0	16	15	0	32	0	0	0	9	14	2	0	0	4	5	
22	Bệnh viện Tâm thần TW 2	400	200	0	0	1	0	309	1	0	0	0	0	0	0	71	238	0	0	297	12	0
Tổng cộng (tầng 2)		10127	6439	246	449	9	1	5162	960	22	18599	10	0	0	201	2214	2737	85	1360	3814	294	1277

TẦNG 1

1	Biên Hòa	4249	3915	102	209	21	0	2755	918	12	4245	0	0	0	28	922	2285	19	848	3046	100	569
2	Long Khánh	432	432	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	3	0	429
3	Vĩnh Cửu	4189	4121	54	55	2	0	754	1313	3	5679	0	0	0	0	41	713	7	211	603	4	2801
4	Định Quán	100	89	0	0	0	0	2	42	0	77	0	0	0	0	1	1	0	0	2	0	
5	Tân Phú	60	60	0	0	0	0	0	0	0	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	60
6	Trảng Bom	876	876	356	54	10	1	667	1166	2	1529	0	0	0	0	32	635	7	268	388	4	113
7	Thống Nhất	130	140	0	2	0	0	6	69	0	10	0	0	0	0	0	6	0	1	6	0	130
8	Xuân Lộc																					
9	Cẩm Mỹ	500	200	2	0	0	0	10	2	0	29	0	0	0	0	2	8	0	1	7	0	190
10	Long Thành	250	250	4	17	1	0	133	32	0	565	0	0	0	0	0	133	1	49	129	4	112
11	Nhon Trạch	3230	3210	196	44	149	0	1663	149	0	0	0	0	0	40	450	1173	32	407	1235	21	1547
TỔNG CỘNG (Tầng 1)		14016	13293	714	381	183	1	6473	3691	17	12138	0	0	0	68	1448	4957	66	1785	5419	133	6820